CÔNG TY CP DV VỆ SINH CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG SONGANHHYG

PHIẾU KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG, KHOANH TRỪ LỖI SẴN CÓ (T=0) & SƠ ĐỒ TRẠM

Đồng bộ PCS-01, PCS-17, PCS-18 · Đo khe cửa > 6 mm · 3 vành đai R / IL / TM / PH · Bảo mật ảnh NĐ 13/2023/NĐ-CP

Mã biểu mẫu: BM-PCS-01
Phiên bản: v2.0 (17/11/2026)
Phụ trách: KTV NIMPE (SAH-CRD-07/08)
Lưu hồ sơ: Hết HĐ + 12 tháng

Công trình / Dự án	.....	**Ngày & Giờ T=0**	.....:..... Ngày ...../...../202... | ☐ <1.000 m^2 ☐ ≥1.000 m^2
KTV Khảo sát & Thẻ	..... (SAH-CRD-....)	**Đại diện BQL / M&E**	..... (SĐT: .....)
Điểm nhạy cảm	☐ Bể cá Koi (SL: ....) · ☐ Đầu báo khói (Quang/Nhiệt) · ☐ Kho lạnh / Thực phẩm hở · ☐ Khu trẻ nhỏ / Thú cưng		

NGUYÊN TẮC T=0 & BẢO MẬT (PCS-01 · NĐ 44 · NĐ 13/2023): (1) Không hứa miệng "sạch hết chuột gián" nếu cửa vẫn hở **> 6 mm** (chuột nhắt chui khe 6 mm, chuột cống 12 mm, rắn/gián > 3 mm) hoặc BQL chưa sửa lỗi kết cấu; (2) **Chưa có thẻ ATLĐ Nhóm 3 không được leo mở trần, hố ga** (SAH-CRD-13..17, cao > 2 m); (3) Ảnh mốc giờ chỉ chụp góc hẹp vào khe hở, trạm và dấu vết dịch hại, **không chụp mặt người, biển số xe, màn hình camera hay tài liệu mật** (NĐ 13/2023/NĐ-CP).

1. ĐO KHE CỬA (> 6 MM), PHÂN VÙNG RỦI RO & KHOANH TRỪ LỖI SẴN CÓ T=0

(Ghi số đo mm/cm/% thực tế và chụp ảnh mốc giờ)

Hạng mục khảo sát	Số đo thực địa tại công trình	Lỗi sẵn có cần khoanh trừ T=0	Ảnh NĐ 13	Kiến nghị & hướng xử lý
1. Khe cửa & lỗ tường	Cửa nhập/thoát: ..... mm Cửa kho/bếp: ..... mm (chuẩn ≤ 3 mm)	☐ Hở **> 6 mm** / rách gioăng chổi ☐ Lỗ ống máy lạnh, cáp chưa bít	☐ Đã chụp ☐ Cấm chụp	☐ Gắn gioăng ≤ 3 mm (14d) ☐ Bịt vữa / bông thép
2. Trần, phễu & hố ga	Cửa thăm trần 45×45 cm: ☐ Có ☐ Chưa Lưới cống: .....×..... mm (chuẩn 6×6)	☐ Trần kín không mở kiểm được ☐ Vỡ bẫy nước / lưới > 6×6 mm	☐ Đã chụp ☐ Cấm chụp	☐ Cửa thăm 45×45 cm ☐ Lưới inox 6×6 mm
3. Bếp, bẫy mỡ & kho	Pallet cách tường: .... cm (≥ 50 cm) Kê sàn: .... cm (≥ 15 cm) · RH: .... %	☐ Bẫy mỡ đóng váng / rác hở ☐ Kho giấy ẩm RH > 60% / ron nứt	☐ Đã chụp ☐ Cấm chụp	☐ Nạo bẫy mỡ / quạt ≥ 7 m/s ☐ Hút ẩm ≤ 60% / Epoxy
4. Ngoại vi & bể cá Koi	Bán kính 15 m: ☐ Cỏ rậm ☐ Đất hoang Cách mép hồ Koi: ..... m (≥ 3,0 m)	☐ Bãi cỏ hoang sát rào (chuột/rắn) ☐ Đèn trắng > 5000K (kéo ba khoang)	☐ Đã chụp ☐ Cấm chụp	☐ Phát quang (LSC-06) ☐ Đèn vàng 2700–3000K
5. Dấu vết dịch hại ban đầu	☐ Phân/UV chuột ☐ Gián Đức ☐ Rệp ☐ Mối TCVN 7958 ☐ Bọ gậy QĐ 3711	☐ Ổ mối mục gỗ có sẵn trước T=0 ☐ Ổ dịch mật độ cao sẵn trước nhận ca	☐ Đã chụp ☐ Cấm chụp	☐ Miễn trừ gỗ mục cũ ☐ Tách gói xử lý gốc

2. PHÂN BỔ MÃ TRẠM 3 VÀNH ĐAI (R / IL / TM / PH) & PHÁC HỌA SƠ ĐỒ MẶT BẰNG

(Khớp 1:1 tem trạm thực địa và Excel)

Hệ thống vành đai & mã trạm	Dải mã số bố trí	Số lượng	Quy chuẩn bố trí thực địa (PCS-01, PCS-07, PCS-09, PCS-10)
Vành 1 & 2 · Chuột ngoài nhà (Xanh/Vàng)	R-01 → R-.....	..... hộp	Hộp khóa xỏ ty thép đặt **Storm 0.005%** (1–2 viên, khoảng 8 g); Vành 1 cách **10–15 m** rào, Vành 2 cách **5–10 m** vách ngoài.
Vành 3 · Chuột trong nhà (Vùng Đỏ/Vàng)	R-..... → R-.....	..... bẫy	**CHỈ DÙNG BẪY CƠ / BẪY KEO (0 BẢ ĐỘC)** đặt sát chân tường cách **3–5 m**; kho lạnh ≤ 0 °C dùng bẫy Inox + dầu silicon.
Đèn bẫy UV (IL) & Pheromone (PH)	IL-01.. / PH-01..	.... IL / .... PH	Treo cao **1,5–2,0 m**, cách đồ ăn hở **≥ 3,0 m**, dùng tấm keo (không lưới phóng điện), không chiếu thẳng ra cửa ngoài.
Trạm nhử mối (TM) · TCVN 7958/8268	TM-01 → TM-.....	..... hộp	Đặt tại khe ẩm, khung gỗ, chân tường có dấu mối (Chuyên viên SAH-CRD-10/11); theo dõi ăn mồi 10–14 ngày.

KHUNG PHÁC HỌA SƠ ĐỒ MẶT BẰNG & ĐỊNH VỊ TRẠM (HOẶC KẸP BẢN VẼ A3 CÓ CHỮ KÝ DUYỆT BQL) — **Tỷ lệ: 1 ô ≈ ..... m**

Ký hiệu: [R1/R2] Hộp Storm ngoài nhà · [R3] Bẫy cơ/keo trong nhà (0 bả) · [IL] Đèn UV · [TM] Hộp mối · [PH] Pheromone · [K] Bể cá Koi · [S] Báo khói · [X] Khe > 6 mm

PHÁP LÝ T=0 (ĐIỀU 393 BLDS 2015 · NĐ 91/2016 · NĐ 13/2023): Hai bên xác nhận danh mục khoanh trừ lỗi kết cấu có sẵn và ảnh đính kèm (không dính mặt người, biển số xe theo NĐ 13/2023) làm mốc tách trách nhiệm hạ tầng. Với cơ sở nhỏ lẻ gửi Zalo/Email lúc .....:..... ngày ...../...../202..., hiệu lực đồng thuận xác lập sau **12 giờ** theo **Điều 393 BLDS 2015** khi đã thỏa thuận trong hợp đồng nếu không có phản hồi khác.

KTV KHẢO SÁT SONGANHHYG (Lập sơ đồ & ảnh T=0)	ĐẠI DIỆN BQL / M&E BÊN A (Duyệt vị trí trạm & khoanh trừ)
Đã đo kiểm khe cửa, phân vùng và gửi ..... ảnh mốc giờ (tuân thủ NĐ 13/2023). Họ tên & chữ ký:	Xác nhận đúng hiện trạng T=0 và đồng ý vị trí gắn cố định trạm R/IL/TM/PH. Họ tên, chức vụ & chữ ký: